TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG NINH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HSST
Ngày: 19 - 01 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Mạnh Cường,

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Ninh và ông Trần Minh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Mỹ Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Triều, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 49/2023/TLST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2023/QĐXX-ST ngày 22 tháng 11 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Võ Văn H; sinh ngày 02 tháng 7 năm 1989; nơi sinh: Tỉnh Hà Tỉnh; nơi thường trú: Thôn 5, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tỉnh; Nơi tạm trú và nơi ở hiện nay: Thôn L, xã L, huyện Qu, tỉnh Quảng Bình; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Thợ hàn; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Võ Văn A và bà Đặng Thị V; có vợ Lê Thị N, có 03 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/5/2023 đến ngày 09/8/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh, có mặt.

2. Phan Văn N, sinh ngày 25 tháng 01 năm 1981 tại Hà Tỉnh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh; Nơi tạm trú và nơi ở hiện nay: Thôn L, xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Công nhân; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phan Văn T và bà Đinh Thị Â; có vợ Lê Thị T, có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh 2010; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: ngày 24/12/2001 Bị Tòa án Phúc thẩm tại Hà Nôi, Tòa án nhân dân Tối cao xử phạt 05 (Năm) năm tù về tội " Giết người" đến ngày 15/01/2005 chấp hành xong án phạt tù.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/5/2023 đến ngày 09/8/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh, có mặt

3. Phan Khắc D; sinh ngày 20 tháng 3 năm 1990; nơi sinh: Hà Tĩnh; nơi thường trú: Thôn 5, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tỉnh; Nơi tạm trú và nơi ở hiện nay: Thôn L, xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Công nhân; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phan Khắc H và bà Bạch Thị H; có vợ Lê Thị Thùy L, có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/5/2023 đến ngày 09/8/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh, có mặt.

Bị hại: Công ty Cổ phần xây dựng Đ số 2. Địa chỉ: tầng 4, tòa nhà BST Tower, 193-195-197 đường Nguyễn Thị N, KĐT V, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp luật: ông Trần Văn D, chức vụ Tổng Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền của bị hại: Ông Trần Khắc L, sinh năm 1987, chức vụ: Giám đốc ban điều hành Dự án cầu N 3, địa chỉ: Thôn L, xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Lê Thị X, sinh năm 1975, địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, nghề nghiệp: Buôn bán, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Đàm Văn H, sinh năm 1971, địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, nghề nghiệp: Buôn bán, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1987, địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, nghề nghiệp: lao động tự do,vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào tối ngày 15/5/2023, Võ Văn H rủ Phan Khắc D và Phan Văn N đều là công nhân thi công công trình cầu Nhật Lệ 3, thuộc thôn Lương Yến, xã Lương Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình lấy trộm sắt tại công trường đang thi công cầu Nhật Lệ 3 để bán lấy tiền tiêu xài thì D và N đồng ý. Vào khoảng 22 giờ cùng ngày, Võ Văn H gọi điện thoại cho bà Lê Thị X (sinh năm 1975, chỗ ở Tổ dân phố P, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình) xuống công trường đang thi công cầu Nhật Lệ 3 để thu mua sắt. Bà X gọi điện thoại thuê anh Nguyễn Văn Q (sinh năm 1987, chỗ ở Tổ dân phố P, thị trấn Q) lấy thuyền chở chồng bà X là ông Đàm Văn H (sinh năm 1971, chỗ ở Tổ dân phố P, thị trấn Q) xuống công trường thi công cầu Nhật Lệ 3 để chở sắt, anh Q đồng ý dùng thuyền máy chở ông H đến xà lan nơi H, D, N đang làm việc. H, D, N lén lút cùng nhau bốc số sắt dư thừa trong quá trình thi công đã được các công nhân tập kết trên xà lan trước đó xuống thuyền của Q, gồm: 02 (hai) tấm sắt khuôn đúc bê tông hình chữ nhật, tổng khối lượng 220kg (hai trăm hai mươi kilôgam), 08 (tám) thanh sắt tiết diện hình chữ U, tổng khối lượng 381kg (ba trăm tám mươi mốt kilôgam) và 40kg (bốn mươi kilôgam) các miếng sắt khác có nhiều hình dạng, kích thước. Khi Q và H chạy thuyền máy về thị trấn Quán Hàu đến đoạn bờ sông Nhật Lệ thuộc Tổ dân phố P, thị trấn Q thì bà X chạy xe mô tô BKS: 73K2-4883 kéo theo xe ba gác ra để bốc sắt từ thuyền lên xe ba gác. Quá trình bốc sắt bị Công an thị trấn Quán Hàu phát hiện, đưa về trụ sở làm việc.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 08/TB- KLĐG ngày 22/5/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Quảng Ninh định giá, kết luận: 02 (hai) tấm sắt khuôn đúc bê tông hình chữ nhật, tổng khối lượng 220kg (hai trăm hai mươi kilôgam) đã qua sử dụng có giá trị: 1.430.000 đồng (một triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng); 08 (tám) thanh sắt tiết diện hình chữ U, tổng khối lượng 381kg (ba trăm tám mươi mốt kilôgam) đã qua sử dụng có giá trị: 2.476.500 đồng (hai triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm đồng); 40kg (bốn mươi kilôgam) các miếng sắt nhiều hình dạng, kích thước đã qua sử dụng có

giá trị: 260.000đồng (hai trăm sáu mươi nghìn đồng); tổng giá trị: 4.166.500 đồng (bốn triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm đồng). (BL: 168)

Quá trình điều tra, Võ Văn H, Phan Khắc D, Phan Văn N khai nhận ngoài vụ trộm cắp tài sản trên còn thực hiện 04 (bốn) vụ trộm cắp tài sản tương tự tại Công trường đang thi công Cầu Nhật Lệ 3, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng đầu tháng 4/2023, H và N cùng nhau lấy trộm sắt tại công trường đang thi công Cầu Nhật Lệ 3, gồm các thanh sắt hình chữ U có cạnh giữa rộng 0,3 mét; hai cạnh bên rộng 0,2 mét; chiều dài khuôn sắt khoảng 0,6 mét có tổng khối lượng là 784kg (bảy trăm tám mươi tư kilôgam). Hương, Núi chuyển số sắt trộm được lên thuyền cho anh Đàm Văn H và ông Nguyễn Văn Q chở về hướng thị trấn Quán Hàu. Sáng hôm sau, H đến nhà của bà Lê Thị X để cân sắt và lấy tiền.

Tại Kết luận định giá tài sản số 17/TB-KLĐG ngày 17/7/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện tố tụng hình sự Quảng Ninh định giá, kết luận: các thanh sắt tiết diện hình chữ U, tổng khối lượng là 784kg (bảy trăm tám mươi tư kilôgam) đã qua sử dụng có giá trị còn lại: 5.096.000 đồng (năm triệu không trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Vụ thứ 2: Vào khoảng giữa tháng 4 năm 2023, H và N tiếp tục lấy trộm các tấm sắt khuôn đúc bê tông, các thanh sắt hình chữ I, có khối lượng, kích thước khác nhau, tổng khối lượng là 797kg (bảy trăm chín mươi bảy kilôgam). Hương, Núi chuyển số sắt trộm được lên thuyền cho anh Đàm Văn H và ông Nguyễn Văn Q chở về hướng thị trấn Quán Hàu. Sáng hôm sau, Võ Văn H đến nhà của bà Lê Thị X để cân sắt và lấy tiền.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 18/TB-KLĐG ngày 17/7/2023 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Quảng Ninh định giá, kết luận: các tấm sắt khôn đúc bê tông, các thanh sắt tiết diện hình chữ I, có khối lượng, kích thước khác nhau có tổng khối lượng 797kg (bảy trăm chín mươi bảy kilôgam) đã qua sử dụng có giá trị còn lại: 5.180.500 đồng (năm triệu một trăm tám mươi nghìn năm trăm đồng).

Vụ thứ 3: Vào khoảng cuối tháng 4/2023, H, N và D cùng nhau lấy trộm sắt tại Công trường đang thi công Cầu Nhật Lệ 3 gồm các tấm sắt khuôn đúc bê tông, các thanh sắt hình chữ I, các thanh sắt hình chữ L, có khối lượng, kích thước khác nhau, tổng khối lượng là 872kg (tám trăm bảy mươi hai kilôgam). Sau đó H, D, N chuyển số sắt trộm được lên thuyền cho anh Đàm Văn H và ông Nguyễn Văn Quân chở về hướng thị trấn Quán Hàu. Sáng hôm sau, H đến nhà của bà Lê Thị X để cân sắt và lấy tiền.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 19/TB-KLĐG ngày 17/7/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Quảng Ninh định giá, kết luận: các tấm sắt khuôn đúc bê tông, các thanh sắt tiết diện hình chữ I, các thanh sắt tiết diện hình chữ L, có khối lượng, kích thước khác nhau có tổng khối lượng 872kg (tám trăm bảy mươi hai kilôgam) đã qua sử dụng có giá trị còn lại: 5.668.000 đồng (năm triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Vụ thứ 4: Vào khoảng đầu tháng 5/2023 , H, D và N tiếp tục lấy trộm các thanh sắt hình chữ U có cạnh giữa rộng 0,3 mét, hai cạnh bên rộng 0,2 mét, chiều dài khuôn sắt khoảng 0,6 mét và các tấm sắt khuôn hình chữ nhật có chiều dài

khoảng 1,6 mét; chiều rộng khoảng 01 mét; tổng khối lượng là 838kg (tám trăm ba mươi tám kilôgam). Sau đó H, D và N chuyển số sắt vừa lấy trộm được lên thuyền cho anh Đàm Văn H và ông Nguyễn Văn Q chở về hướng thị trấn Quán Hàu. Sáng hôm sau Võ Văn H đến nhà của bà Lê Thị X để cân sắt và lấy tiền.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tổ tụng hình sự số: 20/TB-KLĐG ngày 17/7/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Quảng định giá, kết luận: các thanh sắt tiết diện hình chữ U, các tấm sắt khuôn hình chữ nhật có tổng khối lượng 838kg (tám trăm ba mươi tám kilôgam) đã qua sử dụng có giá trị còn lại: 5.447.000 đồng (năm triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

- Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật:

Ngày 16/5/2023, Công an thị trấn Quán Hàu đã tạm giữ:

+ 01 (một) xe máy Dream, nhãn hiệu Honda, màu nâu đen, BKS: 73K2-4883, xe đã qua sử dụng; 01 (một) xe ba gác có kích thước chiều dài 3m (ba mét), chiều rộng 1,1m (một phẩy một mét), xe đã qua sử dụng;

+ 641 kg (sáu trăm bốn mươi mốt kilôgam) sắt, gồm: 02 (hai) tấm sắt khuôn hình chữ nhật, nặng 220 kg (hai trăm hai mươi kilôgam); 08 (tám) tấm sắt hình chữ U, nặng 381 kg (ba trăm tám mươi mốt kilôgam); 40 kg (bốn mươi kilôgam) sắt không rõ hình dạng;

+ 01 (một) thuyền nhôm có chiều dài 8,9m (tám phẩy chín mét), chiều rộng 1,35m (một phẩy ba mươi lăm mét), trên thuyền có 01 (một) máy nổ gắn chân vịt dài 3,45m (ba phẩy bốn mươi lăm mét).

Ngày 16/5/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Ninh đã tạm giữ:

+ 29 (hai mươi chín) tấm sắt khuôn đúc bê tông, có kích thước, khối lượng khác nhau, tổng khối lượng là 1644 kg (một nghìn sáu trăm bốn mươi bốn kilôgam);

+ 28 (hai mươi tám) thanh sắt tiết diện hình chữ U, có kích thước khối lượng khác nhau, tổng khối lượng là 923 kg (chín trăm hai mươi ba kilôgam);

+ 22 (hai mươi hai thanh sắt tiết diện hình chữ I, có kích thước, khối lượng khác nhau với tổng khối lượng 662 kg (sáu trăm sáu mươi hai kilôgam);

+ 06 (sáu) thanh sắt tiết diện hình chữ L, có kích thước, khối lượng khác nhau, tổng khối lượng là 62 kg (sáu mươi hai kilôgam).

- Xử lý vật chứng: Ngày 16/8/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Ninh trả lại tài sản cho anh Trần Khắc L là người được Công ty Cổ phần xây dựng Đạt Phương số 2 ủy quyền gồm:

+ 641 kg (sáu trăm bốn mươi mốt kilôgam) sắt, gồm: 02 (hai) tấm sắt khuôn hình chữ nhật, nặng 220 kg (hai trăm hai mươi kilôgam); 08 (tám) tấm sắt hình chữ U, nặng 381 kg (ba trăm tám mươi mốt kilôgam); 40 kg (bốn mươi kilôgam) sắt không rõ hình dạng;

+ 29 (hai mươi chín) tấm sắt khuôn đúc bê tông; 28 (hai mươi tám) thanh sắt tiết diện hình chữ U; 22 (hai mươi hai thanh sắt tiết diện hình chữ I; 06 (sáu) thanh sắt tiết diện hình chữ L, tất cả có đặc điểm, khối lượng như biên bản về việc trả lại tài sản.

Ngày 08/9/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Ninh đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Văn Q: 01 (một) thuyền nhôm, trên thuyền có 01 (một) máy nổ gắn chân vịt dài 3,45m (ba phẩy bốn mươi lăm mét). .

- Về trách nhiệm dân sự: Bà Lê Thị X không yêu cầu Võ Văn H trả lại số

tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) là số tiền mà bà X đã trả tiền mua sắt từ H. Công ty Cổ phần xây dựng Đ số 2 đã nhận lại tài sản trộm cắp và không có yêu cầu về dân sự.

Bản Cáo trạng số 51/THQCT-KSĐT-KT, ngày 24 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình đã truy tố các bị cáo Võ Văn H, Phan Khắc D và Phan Văn N về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự;

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng, có xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Võ Văn H 12 tháng đến 18 tháng tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phan Văn N 12 tháng đến 18 tháng tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phan Khắc D 09 tháng đến 12 tháng tù;

Và đề nghị xử lý vật chứng, buộc các bị cáo chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, nhất trí với Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh tỉnh Quảng Bình, lời luận tội, hình phạt và mức án đề nghị của Kiểm sát viên. Hối hận về hành vi phạm tội, xin Hội đồng xem xét cho các bị cáo có cơ hội cải tạo tại địa phương để giúp đỡ vợ con, gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Ninh, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, đại diện theo uỷ quyền của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo thống nhất, phù hợp với lời khai của bị hại và những người tham gia tố tụng khác, với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; phù hợp về thời gian, địa điểm và quá trình diễn biến của vụ án. Các bị cáo Võ Văn H, Phan Khắc D và Phan Văn N đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác với thủ đoạn lợi dụng sự sơ hở, thiếu quản lý tài sản của chủ sở hữu để lén lút trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Từ tháng 4/2023 đến tháng 5/2023,

Võ Văn H, Phan Văn N và Phan Khắc D đã lén lút trộm cắp tài sản tại Công trường thi công cầu Nhật Lệ 3 thuộc địa phân thôn Lương Yến, xã Lương Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Trong đó, H cùng N thực hiện 05 (năm) vụ trộm cắp sắt với tổng giá trị là 25.558.000đ (hai mươi lăm triệu năm trăm năm mươi tám nghìn đồng), D thực hiện 03 (ba) vụ trộm cắp sắt với tổng giá trị là 15.281.500đ (mười lăm triệu hai trăm tám mươi mốt nghìn năm trăm đồng). Các Bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của các bị cáo trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây lo lắng, hoang mang cho nhân dân, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Như vậy có đủ cơ sở kết luận, hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác của các bị cáo Võ Văn H, Phan Văn N và Phan Khắc D đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Các bị cáo là người có sức khỏe, có nhận thức nhưng không chịu khó làm ăn, thích ăn chơi, hưởng thụ trên mồ hôi, công sức của người khác. Do đó, cần phải xử lý nghiêm, tương ứng với tính chất vụ án, tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với các bị cáo về tội danh, khung hình phạt như trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo có tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là vụ án đồng phạm nhưng không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức. Trong đó Võ Văn H là người khởi xướng và cùng với Phan Văn N và Phan Khắc D với vai trò là người thực hành những vụ trộm cắp tài sản trên. Ngoài ra bị cáo Phan Văn N có nhân thân xấu, ngày 24/12/2001 bị Tòa án Phúc thẩm tại Hà Nội, Tòa án nhân dân Tối cao xử phạt 05 (Năm) năm tù về tội " Giết người" đến ngày 15/01/2005 chấp hành xong án phạt tù.

Từ những phân tích trên, xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo, tu dưỡng, rèn luyện trở thành công dân tốt.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Đã bồi thường xong nên Hội đồng xét xử miễn xem xét.

[5] Về vật chứng vụ án: 01 (một) xe máy Dream, nhãn hiệu Honda, màu nâu đen, BKS: 73K2- 4883, xe đã qua sử dụng; 01 (một) xe ba gác có kích thước chiều dài 3m (ba mét), chiều rộng 1,1m (một phẩy một mét), xe đã qua sử dụng là tài sản của bà Lê Thị X không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bà X

[6] Về án phí*:* Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Võ Văn H, Phan

Khắc D và Phan Văn N phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136; điểm g khoản 2 Điều 260, khoản 1 Điều 268, khoản 1 Điều 269, khoản 1 Điều 298; khoản 1, 4 Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Áp dụng khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 322, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh và hình phạt:

- Tuyên bố bị cáo Võ Văn H, Phan Khắc D và Phan Văn N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Văn H 12 (Mười hai) tháng tù thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/5/2023 đến ngày 09/8/2023,

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Văn N 12 (Mười hai) tháng tù thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/5/2023 đến ngày 09/8/2023,

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Khắc D 09 (Chín) tháng tù thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/5/2023 đến ngày 09/8/2023,

2. Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bà Lê Thị X 01 (một) xe máy Dream, nhãn hiệu Honda, màu nâu đen, BKS: 73K2- 4883, xe đã qua sử dụng; 01 (một) xe ba gác có kích thước chiều dài 3m (ba mét), chiều rộng 1,1m (một phẩy một mét), xe đã qua sử dụng.

Vật chứng nêu trên có tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/10/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Ninh và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

3. *Án phí sơ thẩm*: Buộc các bị cáo Võ Văn H, Phan Khắc D và Phan Văn N mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Công an huyện Quảng Ninh;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- Chi cục THA huyện Quảng Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Những người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Mạnh Cường